

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2026/DS-ST

Ngày 22/5/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan; Ông Phạm Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2025/TLST-DS ngày 31/10/2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-DS ngày 20/4/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-DS ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1988 - (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:**

1. Ông Đặng Nguyễn Việt Th, sinh năm 1989 - (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Th, xã K, tỉnh Đắk Lắk (*trước đây là: Đội 26/3, thôn Th, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk*).

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 - (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Đức V, sinh năm 1990 - (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn - Bà Huỳnh Thị Minh T trình bày:**

Năm 2022 tôi và ông Đặng Nguyễn Việt Th (có vợ là Nguyễn Thị D) là đồng nghiệp nên tôi có cho ông Th vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy viết tay thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/4/2025, trong giấy vay thì bà Nguyễn Thị D không ký tại mục người vay, mục đích vay là để giải quyết công việc công việc gia đình và không thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên đến ngày hẹn trả tiền thì ông Th không chịu trả và tôi cũng không liên lạc được với ông Th.

Vì vậy tôi yêu cầu ông Đặng Nguyễn Việt Th và vợ bà Nguyễn Thị D phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử tôi nhận thấy: Khoản vay trên không có chữ ký xác nhận nợ vay của bà D; bà D không biết khoản vay này và tôi (T) cũng không có căn cứ tài liệu khẳng định bà D sử dụng số tiền trên. Hiện tại bà D và ông Th cũng đã ly hôn từ lâu và không còn tài sản chung gì. Nay tại phiên tòa tôi đề nghị thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Đặng Nguyễn Việt Th trả cho **tôi và ông V** số tiền vay gốc 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 27/4/2025 (sau ngày đến hạn trả nợ 26/4/2025). Và lãi trong quá trình thi hành án (khi có đơn yêu cầu).

Đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải liên đới cùng ông Th trả cho tôi số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng thì tôi (T) xin rút lại yêu cầu; Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

*** Bị đơn ông Đặng Nguyễn Việt Th:** Quá trình giải quyết vụ án xác định ông Th đã đi khỏi địa phương, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng... nhưng ông Th vẫn vắng mặt (không tham gia tố tụng) không có lý do chính đáng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai (không có lời khai) của ông Đặng Nguyễn Việt Th trong hồ sơ vụ án và không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị D có ý kiến:** Tôi và ông Th có đăng ký kết hôn năm 2021 và đã ly hôn ngày 19/5/2023. Việc ông Th vay tiền và T là do ông Th tự ý thực hiện, tôi hoàn toàn không biết, không bàn bạc, không đồng ý và không ký tên bất kỳ giấy tờ vay tiền, thoả thuận hay tài liệu liên quan. Tôi không uỷ quyền cho ông Th vay tiền thay mặt tôi. Khoản vay cũng không phục vụ nhu cầu chung, cho đến khi nhận được thông báo của Tòa án thì tôi mới biết khoản nợ của bà T.

Vì vậy nay bà T khởi kiện yêu cầu tôi và ông Th phải trả cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định thì nguyện vọng của tôi là không đồng ý, vì đây là khoản nợ giữa ông Th với bà T, tôi không biết khoản nợ, cũng không sử dụng số tiền này. Vì vậy đề nghị ông Th phải trả khoản nợ cho bà T, không liên quan gì đến tôi. Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến

nay bà T cũng không liên hệ gì và thông báo đến tôi có khoản nợ đó. Hiện nay tôi và ông Th cũng không còn bất kỳ tài sản chung nào.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức V:** Năm 2022 vợ chồng tôi có cho ông Đặng Nguyễn Việt Th (là đồng nghiệp của vợ tôi) mượn số tiền 2.000.000.000 đồng hẹn tới ngày 26/4/2025 trả. Tuy nhiên đến ngày hẹn trả tiền thì ông Th không chịu trả và cũng không liên lạc được với ông Th, đã bỏ đi khỏi địa phương.

Tôi đồng ý việc bà T (vợ tôi) chỉ yêu cầu ông Đặng Nguyễn Việt Th trả cho **bà T và tôi** số tiền vay gốc 2.000.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 27/4/2025; Và lãi trong quá trình thi hành án (khi có đơn yêu cầu).

*** Tại Kết luận giám định số 226/KL-KTHS ngày 28/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:**

1. Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Nguyễn Việt Th trên "Giấy Mượn Tiền" đề ngày 26/4/2022, ghi nội dung Đặng Nguyễn Việt Th, CMND: 241853289, TDP2 - TT Phước An - Krông Pắc có mượn tiền của ông Trần Đức V và bà Huỳnh Thị Minh T, số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng chẵn)

So với chữ ký, chữ viết đứng tên Đặng Nguyễn Việt Th trên: "BẢN TỰ KHAI", đề ngày 05/5/2023 và "BIÊN BẢN GIAO BẢN SAO CHỨNG CỨ" cùng đề ngày 11/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; "GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN" số 117/2021, đề ngày 11/11/2021.

Do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ viết phần nội dung trên "Giấy Mượn Tiền" đề ngày 26/4/2022, ghi nội dung Đặng Nguyễn Việt Th, CMND: 241853289, TDP2 - TT Phước An - Krông Pắc có mượn tiền của ông Trần Đức V và bà Huỳnh Thị Minh T, số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng chẵn).

So với chữ viết đứng tên Đặng Nguyễn Việt Th trên: "BẢN TỰ KHAI", đề ngày 05/5/2023, tại trụ sở Tòa án nh dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn bà D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Th đã vi phạm nghĩa vụ được quy định trong BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217 BLTTDS; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T;

Buộc ông Đặng Nguyễn Việt Th có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Minh T và ông Trần Đức V số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới cùng ông Th trả nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho bà T và ông V.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ea Knuéc và xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Tại “Giấy Mượn Tiền ngày 26/4/2022”, giữa các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/4/2025; Nay quá thời hạn nhưng ông Th vẫn không trả nợ nên ngày 16/10/2025, bà T khởi kiện tranh chấp tại Tòa án. Căn cứ các điều 149, 150, 154, 429 BLDS năm 2015; Điều 184 BLTTDS thì nguyên đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu, HĐXX cần xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà T, bị đơn bà D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Th vắng mặt; Do đó HĐXX tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về yêu cầu trả số tiền 2.000.000.000 đồng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Kết luận giám định số 226/KL-KTHS ngày 28/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, HĐXX xét thấy có đủ căn cứ xác định: Ngày 26/4/2022, giữa bà Huỳnh Thị Minh T và ông Trần Đức V với ông Đặng Nguyễn Việt Th có thỏa thuận và viết giấy vay tiền, theo đó ông Th có vay của bà T, ông V số tiền là 2.000.000.000 đồng và thời hạn trả là ngày 26/4/2025. Tuy nhiên quá hạn trả nợ ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà T đã khởi kiện ông Th tại Tòa án.

HĐXX xét thấy việc bà T thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện và yêu cầu ông Th trả số nợ gốc 2.000.000.000 đồng là phù hợp thực tế vay mượn, còn nợ giữa các bên, có tài liệu chứng cứ chứng minh nên được chấp nhận; Cần buộc ông Đặng Nguyễn Việt Th có nghĩa vụ trả cho bà T, **ông V** số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng theo giấy vay mượn và quy định của pháp luật tại Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2]. Về lãi suất:

HĐXX xét thấy: Tại giấy vay mượn tiền ngày 26/4/2022, các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên quá thời hạn trả nợ thì ông Th vẫn không thực hiện trả số tiền vay gốc cho bà T. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng đã thay đổi bổ sung nội dung khởi kiện về lãi và yêu cầu bị đơn - ông Th phải trả lãi suất chậm trả phát sinh kể từ ngày 27/4/2025 (sau ngày đến hạn trả nợ 26/4/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất trong quá trình thi hành án (khi có đơn yêu cầu), là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX thấy cần chấp nhận; Buộc ông Th có nghĩa vụ trả lãi suất chậm trả là 10%/năm đối với số nợ gốc/thời gian quá hạn trả tiền như sau:

Số tiền 2.000.000.000 đồng, quá hạn trả từ ngày 27/4/2025, đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2026), khoản tiền lãi chậm trả là: 216.580.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên; Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà T; Buộc ông Th phải trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là: 2.000.000.000đ + 216.580.000đ = **2.216.580.000đ** đồng.

[5]. Đối với việc bị đơn bà D liên đới trả nợ cùng ông Th:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T đã tự nguyện rút yêu cầu về việc: Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới cùng ông Th trả nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nói trên. Do đó HĐXX cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung này.

[6]. Về chi phí giám định và án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và phía bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định là:

- Bị đơn ông Th phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết; Bà T được nhận lại 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Th.

- Bị đơn ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ là 2.216.580.000đ đồng, mức án phí là: 76.331.000 đồng (đã làm tròn); Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn

- Bà T phải chịu chi phí đăng tin là 3.025.000 đồng. Bà T đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, **161, 180**, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều **280**, Điều **357**, **Điều 463**, Điều **466**, **Điều 468** Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Huỳnh Thị Minh T;

Buộc ông Đặng Nguyễn Việt Th có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Minh T, **ông Trần Đức V** số tiền tổng cộng là: 2.216.580.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*); trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 216.580.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đặng Nguyễn Việt Th trả nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

3. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Minh T được nhận lại 36.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003473 ngày 28/10/2025 tại Thi hành án dân tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Đặng Nguyễn Việt Th phải nộp 76.331.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí giám định:

- Ông Đặng Nguyễn Việt Th phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết;

- Bà Huỳnh Thị Minh T được nhận lại 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Đặng Nguyễn Việt Th.

5. Về chi phí đăng tin: Bà Huỳnh Thị Minh T phải chịu chi phí đăng tin là 3.025.000 đồng. Bà T đã thực hiện xong.

* *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- THADS Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Đức